

Số: /2026/QĐ-UBND

Quảng Ninh, ngày tháng 9 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Quy định danh mục các khoản thu, mức thu và cơ chế quản lý thu, chi đối với các dịch vụ phục vụ và hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo trong cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Quảng Ninh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 123/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giá số 16/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 140/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 142/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 238/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 66/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 2935/TTr-SGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2026; Báo cáo thẩm định số 355/BC-STP ngày 28 tháng 8 năm 2026 của Sở Tư pháp; Ý kiến thống nhất của thành viên Ủy ban nhân dân thành phố tại Phiếu ghi ý kiến kèm theo Công văn số 1781/VP.UBND-VHXX ngày 04 tháng 9 năm 2026;

Ủy ban nhân dân thành phố Quảng Ninh ban hành Quyết định quy định danh mục các khoản thu, mức thu và cơ chế quản lý thu, chi đối với các dịch vụ phục vụ và hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo trong cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Quảng Ninh.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định danh mục các khoản thu, mức thu và cơ chế quản lý thu, chỉ đối với các dịch vụ phục vụ và hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo trong các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn thành phố Quảng Ninh theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 99 Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 được sửa đổi tại khoản 24 Điều 1 Luật số 123/2025/QH15 và quy định tại điểm b khoản 3 Điều 4 Nghị định số 238/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 13 Nghị định số 66/2026/NĐ-CP.

2. Đối tượng áp dụng

a) Trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, học viên theo học chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông (gọi chung là học sinh) đang học tại các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố;

b) Các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập của thành phố Quảng Ninh;

c) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Danh mục các khoản thu, mức thu

Khoản thu	Đơn vị tính	Mức thu tối đa
1. Dịch vụ ăn uống, bán trú		
a) Hợp đồng thuê người nấu ăn	đồng/học sinh/tháng	140.000
b) Quản lý học sinh trong giờ bán trú	đồng/học sinh/ngày	8.000
c) Phục vụ bữa ăn		30.000
d) Phục vụ nước uống cho học sinh		
Học 01 buổi/ngày	đồng/học sinh/tháng	10.000
Học 02 buổi/ngày		15.000
2. Dịch vụ trông giữ, chăm sóc trẻ em mầm non ngoài giờ (đón sớm, trả muộn; ngày thứ Bảy; trong thời gian nghỉ hè)		
a) Đón sớm, trả muộn	đồng/trẻ/ngày	8.000
b) Thứ Bảy, trong hè		23.000
3. Dịch vụ trông giữ phương tiện tham gia giao thông của học sinh		
a) Xe đạp	đồng/xe/tháng	30.000
b) Xe đạp điện, xe gắn máy		50.000

Điều 3. Cơ chế quản lý thu, chi

1. Các cơ sở giáo dục công lập phải xây dựng kế hoạch thu, chi cụ thể; thực hiện thu đúng, thu đủ chi, sử dụng đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả. Có sự thỏa thuận thống nhất bằng văn bản với cha mẹ học sinh hoặc người giám hộ học sinh về mức thu cụ thể đối với các khoản thu dịch vụ phục vụ và hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo, bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tế của từng cơ sở giáo dục, trên tinh thần tự nguyện, dân chủ, có sự thống nhất của tập thể lãnh đạo và giáo viên nhà trường, vì quyền lợi của học sinh. Trường hợp dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục có nội dung chi được ngân sách nhà nước hỗ trợ một phần kinh phí hoặc được bố trí từ nguồn kinh phí hợp pháp khác, mức thu từ người sử dụng dịch vụ được xác định trên cơ sở chi phí thực tế hợp lý sau khi đã giảm trừ phần kinh phí đã được ngân sách nhà nước hỗ trợ hoặc bố trí.

2. Trong quá trình thực hiện các khoản thu, chi phải bảo đảm công khai, dân chủ, minh bạch. Thực hiện công khai các khoản thu, chi, dự toán, quyết toán theo quy định tại Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, Thông tư số 11/2020/TT-BGDĐT ngày 19 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ sở giáo dục công lập và các quy định của pháp luật có liên quan.

3. Người đứng đầu cơ sở giáo dục có trách nhiệm tổ chức thực hiện các khoản thu, chi theo đúng quy định và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc quản lý, sử dụng các khoản thu, chi tại cơ sở giáo dục. Các khoản thu, chi phải có chứng từ đầy đủ theo quy định, được hạch toán vào hệ thống sổ sách kế toán và báo cáo quyết toán thu, chi hàng năm theo quy định tài chính hiện hành.

4. Các cơ sở giáo dục công lập chỉ được tổ chức thực hiện các khoản thu đối với các dịch vụ phục vụ và hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo thuộc danh mục quy định tại Điều 2 Quyết định này; không được thỏa thuận hoặc đặt ra các khoản thu ngoài danh mục được cơ quan có thẩm quyền quy định.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2026.

2. Giao Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, các cơ quan, đơn vị liên quan, Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu hướng dẫn tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này; theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quyết định đảm bảo đúng quy định pháp luật; tổ chức rà soát, đánh giá việc thực hiện, tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố xem xét điều chỉnh cho phù hợp với chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và điều kiện thực tế, bảo đảm hợp lý, tiết kiệm đối với các khoản thu của người học.

Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu chịu trách nhiệm tổ chức kiểm tra việc thực hiện các quy định về thu, chi, công khai, minh bạch thu, chi theo Quyết định này và quy định pháp luật có liên quan trên địa bàn theo phân cấp quản lý.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các Sở: Giáo dục và Đào tạo, Tài chính; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu; Thủ trưởng các đơn vị và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ GDĐT (báo cáo);
- Đảng ủy UBND thành phố (báo cáo);
- Cục KTVB&QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;
- CT, các PCT UBND thành phố;
- Các sở, ban, ngành thuộc thành phố;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Quảng Ninh;
- Công báo thành phố;
- Cổng thông tin điện tử thành phố Quảng Ninh;
- V0, V1-4; các CVNCTH;
- Lưu VT, GD. 038.18

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Vũ Thị Mai Anh